

**I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN: (6 ĐIỂM)**

**Câu 1.** Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây?

- A. Cơ cấu vùng kinh tế. B. Cơ cấu ngành kinh tế.  
C. Cơ cấu sở hữu kinh tế. D. Cơ cấu thành phần kinh tế.

**Câu 2.** Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch vùng sản xuất. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.  
C. Chuyển dịch việc phân phối. D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

**Câu 3.** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

- A. tổng thu nhập quốc nội ( GDP). B. tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.  
C. tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. D. tổng thu nhập quốc dân ( GNI).

**Câu 4.** Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Mức sống bình dân. B. Tiến bộ xã hội. C. Cơ cấu đồng tiền. D. Tăng trưởng dân số.

**Câu 5.** Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

- A. nhiều cơ hội việc làm. B. nhiều lãnh thổ mới. C. những đảng phái mới. D. những chủng tộc mới.

**Câu 6.** Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn. B. Tận dụng được nguồn tài chính.  
C. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ. D. Được chuyển lên thành nước lớn.

**Câu 7.** Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. toàn cầu. B. song phương. C. khu vực. D. châu lục.

**Câu 8.** Khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hình thức hội nhập song phương là quá trình liên kết và hợp tác giữa

- A. bốn quốc gia. B. nhiều quốc gia. C. ba quốc gia. D. hai quốc gia.

**Câu 9.** Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

- A. đoàn thể thực hiện. B. Nhà nước thực hiện. C. Công đoàn thực hiện D. người dân thực hiện.

**Câu 10.** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

- A. bảo hiểm thân thể. B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.  
C. bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. bảo hiểm tài sản.

**Câu 11.** Cơ sở để người tham gia bảo hiểm y tế được nhận quyền lợi bảo hiểm là căn cứ vào

- A. thời gian tham gia bảo hiểm. B. mức đóng quỹ bảo hiểm y tế.  
C. tình trạng bệnh tật mắc phải. D. độ tuổi tham gia bảo hiểm.

**Câu 12.** Chủ thể của loại hình bảo hiểm xã hội là do

- A. các doanh nghiệp tư nhân. B. tổ chức thương mại.  
C. nhà đầu tư nước ngoài. D. Nhà nước tổ chức.

**Câu 13.** Ở Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội có bao nhiêu chính sách cơ bản?

- A. Ba chính sách. B. Bốn chính sách. C. Năm chính sách. D. Sáu chính sách.

**Câu 14.** Đối với mỗi quốc gia, an sinh xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá sự

- A. bất công xã hội. B. vi phạm dân quyền. C. phát triển kinh tế. D. tiến bộ xã hội.

**Câu 15.** Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố. B. Ngăn ngừa rủi ro. C. Khắc phục rủi ro. D. Quản lý xã hội.

**Câu 16.** Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

- A. tạo ra nhiều sản phẩm. B. tạo ra nhiều việc làm mới.  
C. bảo vệ người lao động. D. tăng thu nhập cho người lao động.

**\* Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu thiên niên kỷ”.

**Câu 17.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- B. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm.
- C. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người)
- D. Tỷ lệ lạm phát và tăng giá hàng tiêu dùng.

**Câu 18.** Nội dung nào dưới đây về phát triển kinh tế không được đề cập trong thông tin trên?

- A. Thu nhập bình quân đầu người (GNI/người).
- B. Tổng sản phẩm quốc dân (GDP).
- C. Tốc độ tăng dân số hàng năm.
- D. Thu nhập quốc nội theo đầu người (GDP/người).

**\* Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước”.

**Câu 19.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Chính trị - quân sự.
- B. Kinh tế - quốc phòng.
- C. Kinh tế - thương mại.
- D. Ngoại giao – quốc phòng.

**Câu 20.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác toàn cầu.
- B. Hợp tác khu vực.
- C. Hợp tác song phương.
- D. Hợp tác quốc tế.

**\* Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Bà H là lao động tự do sống trên địa bàn tỉnh Y. Sau một thời gian khám bệnh và điều trị tại bệnh viện K, bà H cầm trên tay hóa đơn, chứng từ thanh toán bảo hiểm y tế với số tiền 80 triệu đồng. Kết quả sau khi điều trị, bà đã được thanh toán gần một nửa chi phí điều trị gần 50 triệu đồng, thuộc đối tượng đồng chi trả 20%. Bà xúc động nói thêm: “Nhờ có sự tư vấn của cán bộ bảo hiểm xã hội, cách đây 5 tháng tôi có mua một tấm thẻ bảo hiểm y tế nay nhờ có tấm thẻ BHYT này mà tôi không trở thành gánh nặng tài chính của các con khi ốm đau, đến bây giờ bản thân tôi mới thấm thía cái câu khẩu hiệu: “BHYT đóng góp khi lành để dành khi ốm. Có thể BHYT, mình được lợi rất nhiều về viện phí, chất lượng khám chữa bệnh cũng tương đương với dịch vụ, tôi mong rằng mọi người nên tham gia BHYT để được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, bản thân, gia đình một cách tốt nhất”.

**Câu 21.** Loại hình bảo hiểm mà bà H tham gia có đặc điểm là

- A. bắt buộc.
- B. được tài trợ.
- C. được vĩnh viễn.
- D. tự nguyện.

**Câu 22.** Nhờ có tham gia loại hình bảo hiểm đã mang lại lợi ích gì dưới đây cho bà H khi gặp rủi ro về ốm đau?

- A. Khám chữa bệnh chất lượng cao.
- B. Giảm gánh nặng tài chính gia đình.
- C. Được hỗ trợ tiền sau khi ra viện.
- D. Được khám miễn phí suốt đời.

**\* Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo”.

**Câu 23.** Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A.** Chính sách bảo hiểm. **B.** Chính sách giảm nghèo. **C.** Chính sách việc làm.  
**D.** Chính sách thu nhập.

**Câu 24.** Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A.** Chính sách dịch vụ xã hội. **B.** Chính sách xóa đói, giảm nghèo.  
**C.** Chính sách trợ giúp xã hội. **D.** Chính sách bảo hiểm xã hội.

**II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (4 ĐIỂM)** Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.**

“Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiến bộ”.

- a)** Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước.  
**b)** Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.  
**c)** Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế.  
**d)** Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế.

**Câu 2.**

“Việt Nam ngày càng thực sự phát huy vai trò của mình trong việc tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình liên kết khu vực và thế giới. Là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 1995, nước ta tham gia tích cực và đóng góp vào quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, tham gia các tổ chức và diễn đàn khác như Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) Diễn đàn cấp cao Đông Á (EAS), Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết... Nước ta đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực và đang đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định đối tác hợp tác kinh tế khu vực (RCEP)”.

- a)** Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.  
**b)** Việt Nam cần vừa hội nhập kinh tế song phương vừa hội nhập kinh tế đa phương.  
**c)** Kết hợp chặt chẽ hội nhập về kinh tế với hội nhập về chính trị, văn hóa.  
**d)** Khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam là quốc gia đang phát triển nên phải tuân thủ các quy định do các nước phát triển đặt ra.

**Câu 3.**

“Bảo hiểm xã hội (BHXH) trở thành mạng lưới an sinh xã hội quan trọng, hỗ trợ người dân vượt qua các rủi ro ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, thất nghiệp, hết tuổi lao động... Bảo hiểm giúp giảm chi trực tiếp từ tiền túi hộ gia đình cho dịch vụ y tế, góp phần tạo nên sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với nhóm người yếu thế trong xã hội. Cả nước hiện có trên 3,1 triệu người

hưởng chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH hằng tháng. Quỹ BHXH chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mỗi năm cho từ 6 - 10 triệu lượt người”.

(Nguồn: [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/824971/an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-trong-thoi-ky-chuyen-doi-so.aspx](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/824971/an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-trong-thoi-ky-chuyen-doi-so.aspx))

- a) Quỹ bảo hiểm xã hội đã thể hiện vai trò đảm bảo an toàn cuộc sống của con người.
- b) Việc hỗ trợ người dân vượt qua các rủi ro ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, thất nghiệp, hết tuổi lao động... là thể hiện vai trò của bảo hiểm xã hội.
- c) Trong thông tin, bảo hiểm giúp giảm chi trực tiếp từ tiền túi hộ gia đình cho dịch vụ y tế góp phần tạo nên sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe là bảo hiểm thương mại.
- d) Hằng năm, Việt Nam phải chi trả các chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH cho trên 3,1 triệu người sẽ là gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

#### Câu 4.

“Nhà nước đã dành 21% ngân sách cho phúc lợi xã hội, là mức cao nhất trong số các nước ASEAN, nhờ đó đã cơ bản thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, thông qua chính sách hỗ trợ trực tiếp của Chính phủ và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đã hỗ trợ hơn 14,4 triệu người với tổng kinh phí hơn 33.000 tỷ đồng. Trong 5 năm qua, đời sống người có công không ngừng được nâng lên; hằng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 32.000 tỷ đồng để thực hiện các chế độ ưu đãi người có công và thân nhân. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từng bước trở thành trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội”.

- a) Việc hỗ trợ kinh phí với các đối tượng là người có công và thân nhân là thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.
- b) Tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.
- c) Việt Nam vừa chú trọng phát triển kinh tế vừa quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- d) Ngân sách nhà nước là nguồn lực duy nhất để thực hiện các chính sách an sinh.

----- HẾT -----  
ĐÁP ÁN

#### PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

| Đáp án |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|--------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 1      | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 |
| C      | B  | D  | B  | A  | B  | B  | D  | B  | C  | B  | D  |
| 13     | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| B      | D  | D  | B  | D  | C  | C  | B  | D  | B  | C  | B  |

#### PHẦN II: Trắc nghiệm đúng sai

| Câu 1           | Câu 2           | Câu 3           | Câu 4           |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| a)D-b)S-c)D-d)S | a)S-b)D-c)D-d)S | a)D-b)D-c)S-d)S | a)D-b)D-c)D-d)S |